

Chương 8

KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ

Những nội dung chính

- I. Nguyên tắc lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế
- II. Cán cân thanh toán quốc tế
- III. Tỷ giá hối đoái và Thị trường ngoại hối
- IV. Quản lý tỷ giá hối đoái
- V. Tác động của các CSKT trong nền kinh tế mở
- VI. Vài nét về chính sách tỷ giá hối đoái của VN

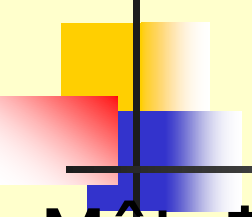
I. Nguyên tắc lợi thế so sánh

“Mỗi nước sẽ có lợi nếu nó chuyên môn hóa sản xuất và xuất khẩu các hàng hóa mình có thể sản xuất với chi phí tương đối thấp (tức là những hàng hóa mà nó tương đối có hiệu quả hơn các nước khác); ngược lại, mỗi nước sẽ có lợi nếu nó nhập khẩu những hàng hóa mà mình sản xuất với chi phí tương đối cao”

Thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith

Lợi thế tuyệt đối (Absolute Advantage) của một nước thể hiện ở chỗ nước đó có khả năng sản xuất một loại hàng hóa với **chi phí sản xuất trong nước thấp hơn so với hàng hóa này sản xuất ở nước khác** và mua về những hàng hóa của nước ngoài có chi phí sản xuất thấp hơn trong nước

→ Lý thuyết này đã giải thích được là tại sao lại có thương mại quốc tế. Vì khi các nước chuyên môn hóa sản xuất và chỉ tập trung vào sản xuất những mặt hàng có khả năng sản xuất tốt hơn nước khác thì tất cả các nước tham gia thương mại đều có lợi. Họ sẽ mua được những hàng hóa rẻ hơn so với tự sản xuất trong nước.



Phân tích của D. Ricardo về lợi thế so sánh

Một đất nước có lợi thế so sánh trong việc sản xuất một mặt hàng nếu nước đó có chi phí sản xuất tương đối (hay chi phí cơ hội) về mặt hàng đó thấp hơn so với nước khác.

“Nếu một quốc gia có lợi thế so sánh trong một số sản phẩm và kém lợi thế so sánh trong một số sản phẩm khác thì nước đó sẽ có lợi trong chuyên môn hóa và thương mại quốc tế”

Ví dụ về lợi thế tuyệt đối và lợi thế tương đối

Sản phẩm	Hao phí lao động		Chi phí cơ hội	
	Nước A	Nước B	Nước A	Nước B
Ti vi	6	12	2 (quần áo)	3 (quần áo)
Quần áo	3	4	$\frac{1}{2}$ (ti vi)	$\frac{1}{3}$ (ti vi)

Nước A có lợi thế tuyệt đối về sản xuất cả hai mặt hàng tivi và quần áo vì có chi phí sản xuất rẻ hơn ở cả hai mặt hàng này

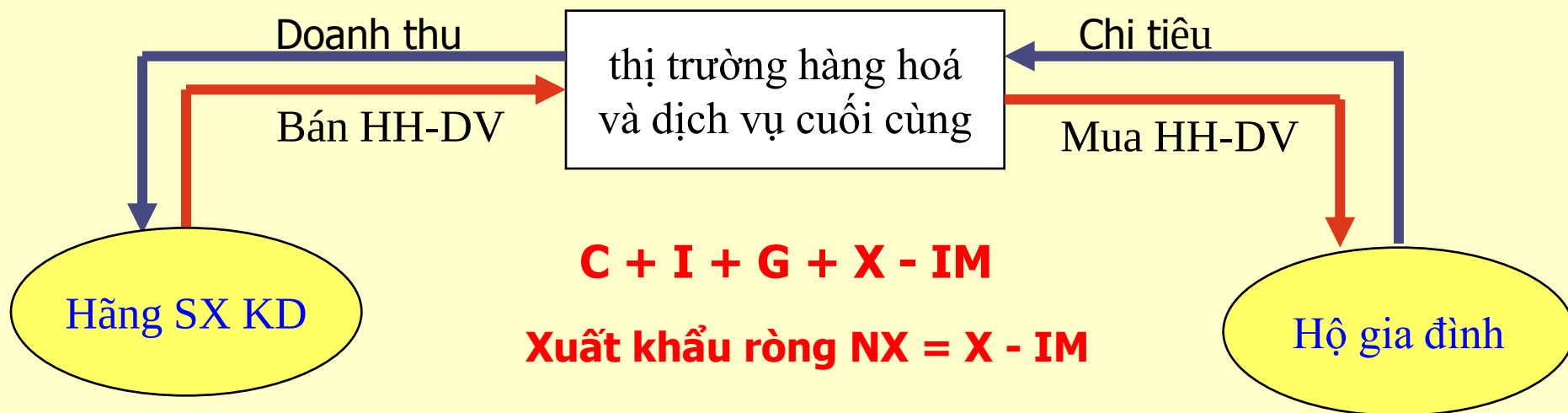
Nước B có lợi thế tương đối về mặt hàng quần áo (chi phí cơ hội để sản xuất quần áo thấp hơn nước A)

Nước A có lợi thế tương đối về sản xuất ti vi (chi phí cơ hội để sản xuất ti vi thấp hơn nước B)

Mô hình nền kinh tế mở

Hãng kinh doanh trong nước:
 $= C_d + I_d + G_d$
Nhập khẩu: $= IM$

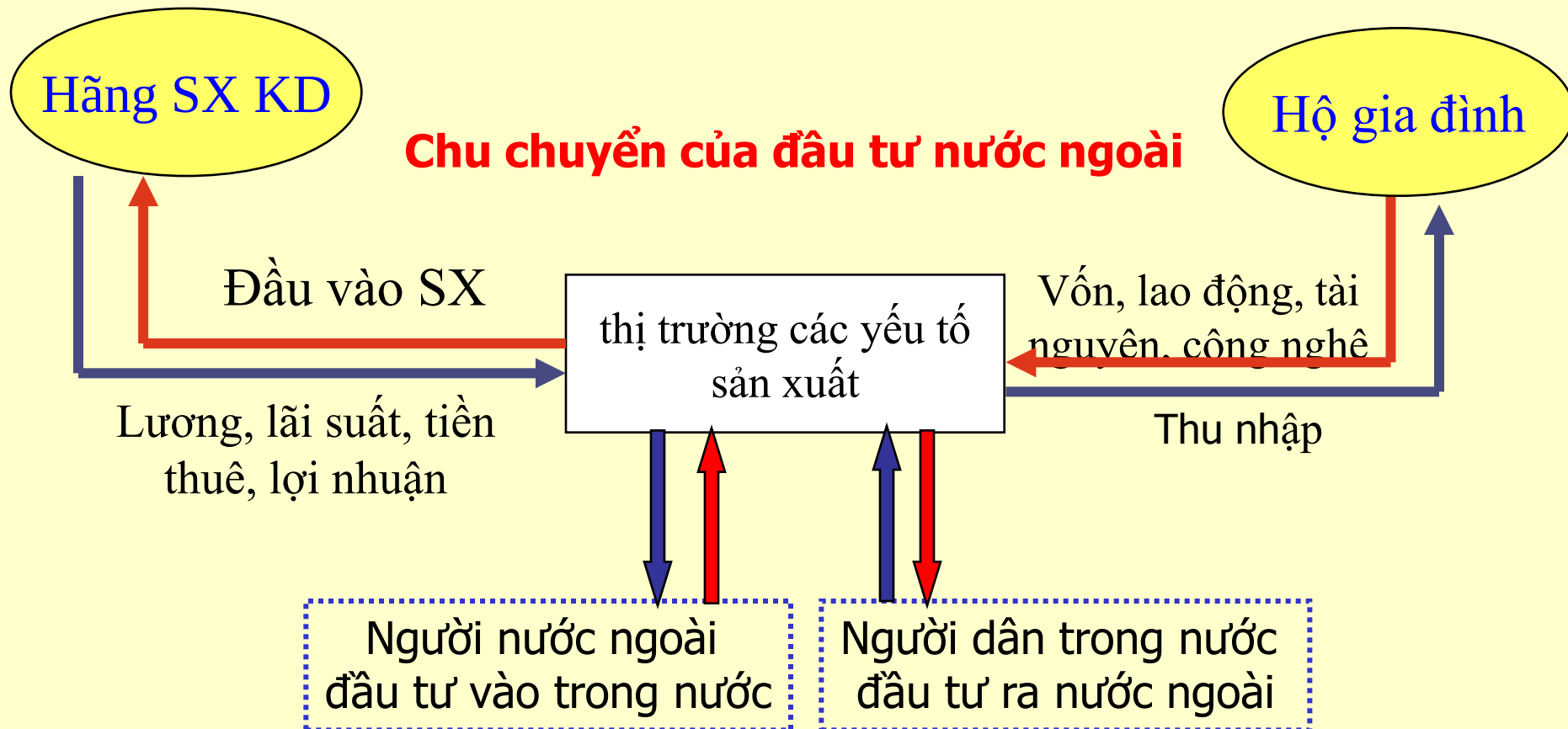
Hộ gia đình $= C_d$
Hãng kinh doanh $= I_d$
Chính phủ $= G_d$
Người nước ngoài $= X$



Xuất khẩu ròng

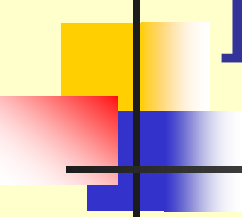
- Xuất khẩu X (eXport): là việc người nước ngoài mua các hàng hoá và dịch vụ sản xuất trong nước
- Nhập khẩu IM (IMport): là việc người dân trong nước mua các hàng hoá và dịch vụ sản xuất ở nước ngoài

Mô hình nền kinh tế mở



Chu chuyển vốn quốc tế

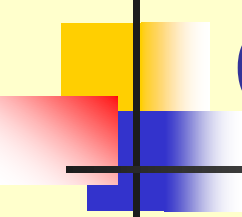
- Đầu tư ra nước ngoài (vốn ra): là việc người dân trong nước mua/giữ các tài sản tài chính của nước ngoài
- Đầu tư nước ngoài vào trong nước (vốn vào): là việc người nước ngoài mua/giữ các tài sản tài chính của trong nước



II. Cán cân thanh toán quốc tế

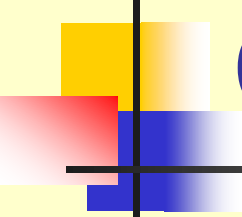
Cán cân thanh toán quốc tế của một nước là báo cáo có hệ thống về tất cả các giao dịch kinh tế giữa nước đó (hàng hóa, dịch vụ, chu chuyển vốn và tài sản) và phần còn lại của thế giới

Vì CCTT thường được hạch toán theo ngoại tệ nên có thể khái quát là CCTT phản ánh toàn bộ lượng ngoại tệ đi vào và đi ra khỏi lãnh thổ một quốc gia



Cấu thành của CCTT quốc tế

- Tài khoản vãng lai (*ghi chép các luồng buôn bán hh và dv cũng như các khoản thu nhập ròng khác từ nước ngoài*)
- Tài khoản vốn (*ghi chép các giao dịch trong đó tư nhân và chính phủ đi vay và cho vay*)
- Sai số thống kê
- $CCTT = TK \text{ vãng lai} + TK \text{ vốn} + \text{Sai số thống kê}$
- Tài trợ chính thức (kết toán chính thức) (*là khoản ngoại tệ mà NHTW bán ra hoặc mua vào nhằm điều chỉnh CCTT khi nó thặng dư hoặc thâm hụt nhằm giữ cho tỷ giá hối đoái không đổi*)



Cấu thành Tài khoản vãng lai

1. Cán cân thương mại hay còn gọi là xuất khẩu ròng ($NX = X - IM$)

$NX > 0$: Thặng dư thương mại

$NX < 0$: Thâm hụt thương mại

$NX = 0$: Cân bằng thương mại

2. Thu nhập nhân tố từ nước ngoài
($NIA = GNP - GDP$)

3. Chuyển khoản quốc tế: *ghi chép các giao dịch giữa các quốc gia mà không có khoản đối ứng vd: viện trợ, quà tặng, tiền gửi về*

Hạch toán kép CCTT

Thu ngoại tệ

chi ngoại tệ

Tài khoản vãng lai

- Xuất khẩu (hh và dv)
- Thu nhập do đầu tư tài sản ở nước ngoài gửi về
- Nhận viện trợ

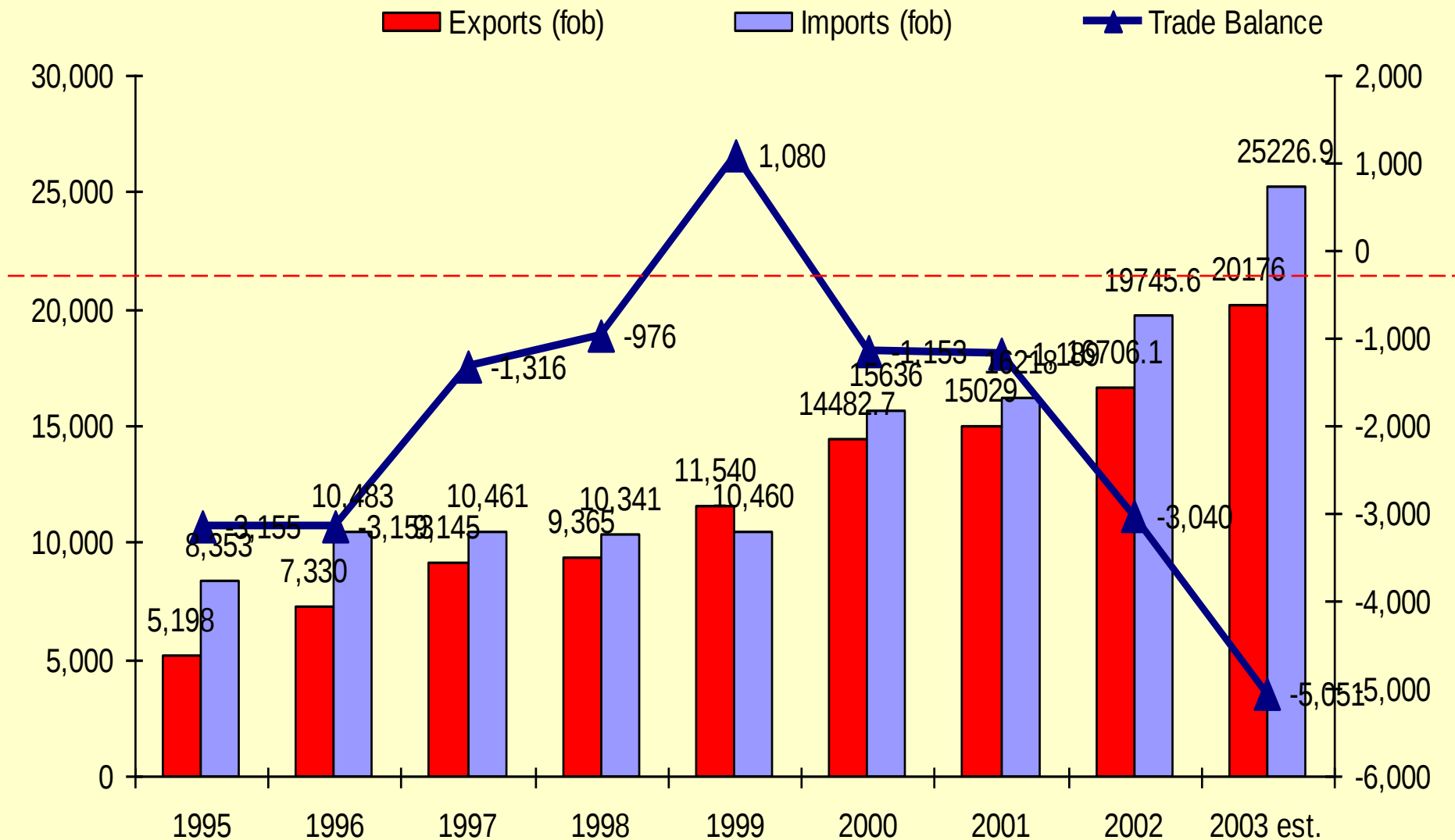
- Nhập khẩu (hh và dv)
- Thu nhập trả cho người nước ngoài
- Viện trợ ra nước ngoài

Tài khoản vốn

- Vốn đầu tư từ nước ngoài (vốn vào, FDI)
- Vay nước ngoài

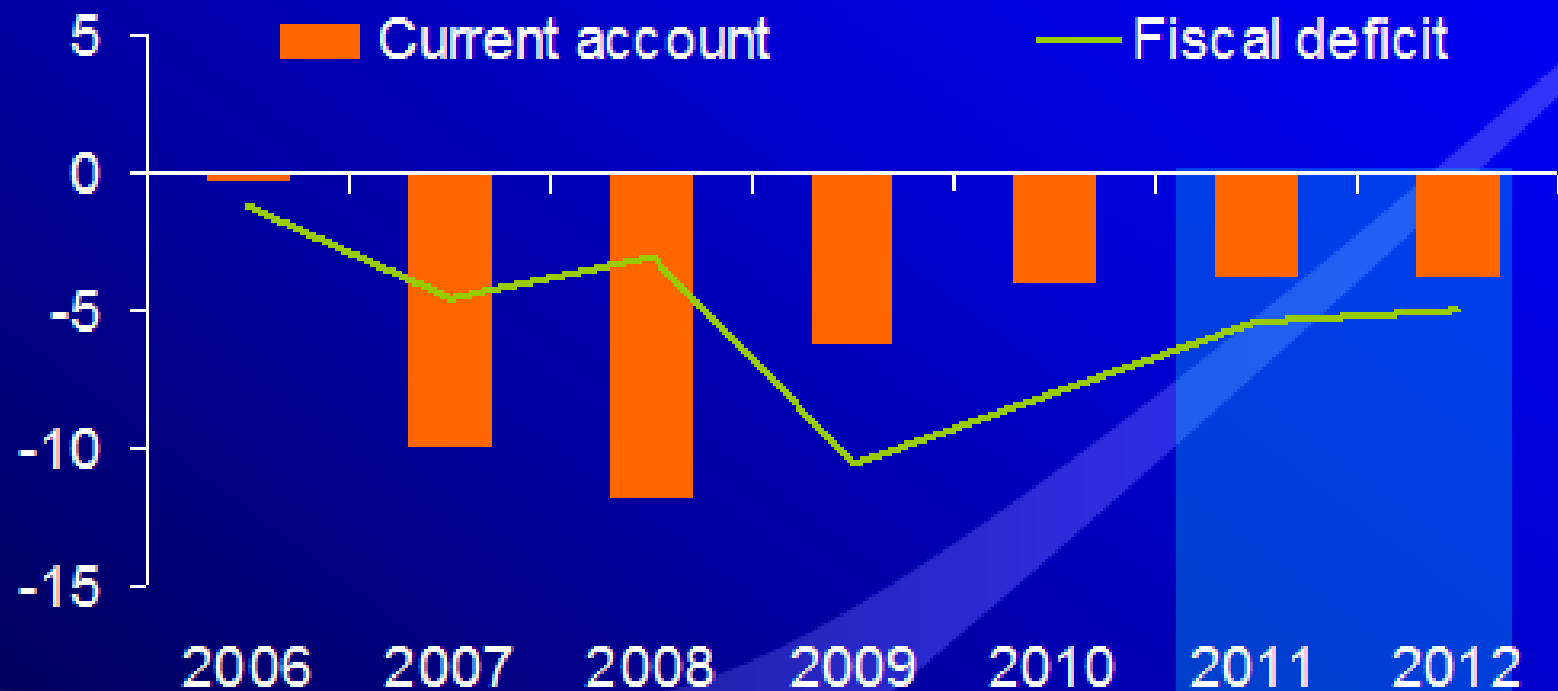
- Vốn đầu tư ra nước ngoài (vốn ra)
- Cho nước ngoài vay

Nguồn: Tổng cục thống kê và Ngân hàng thế giới, 1995-2003



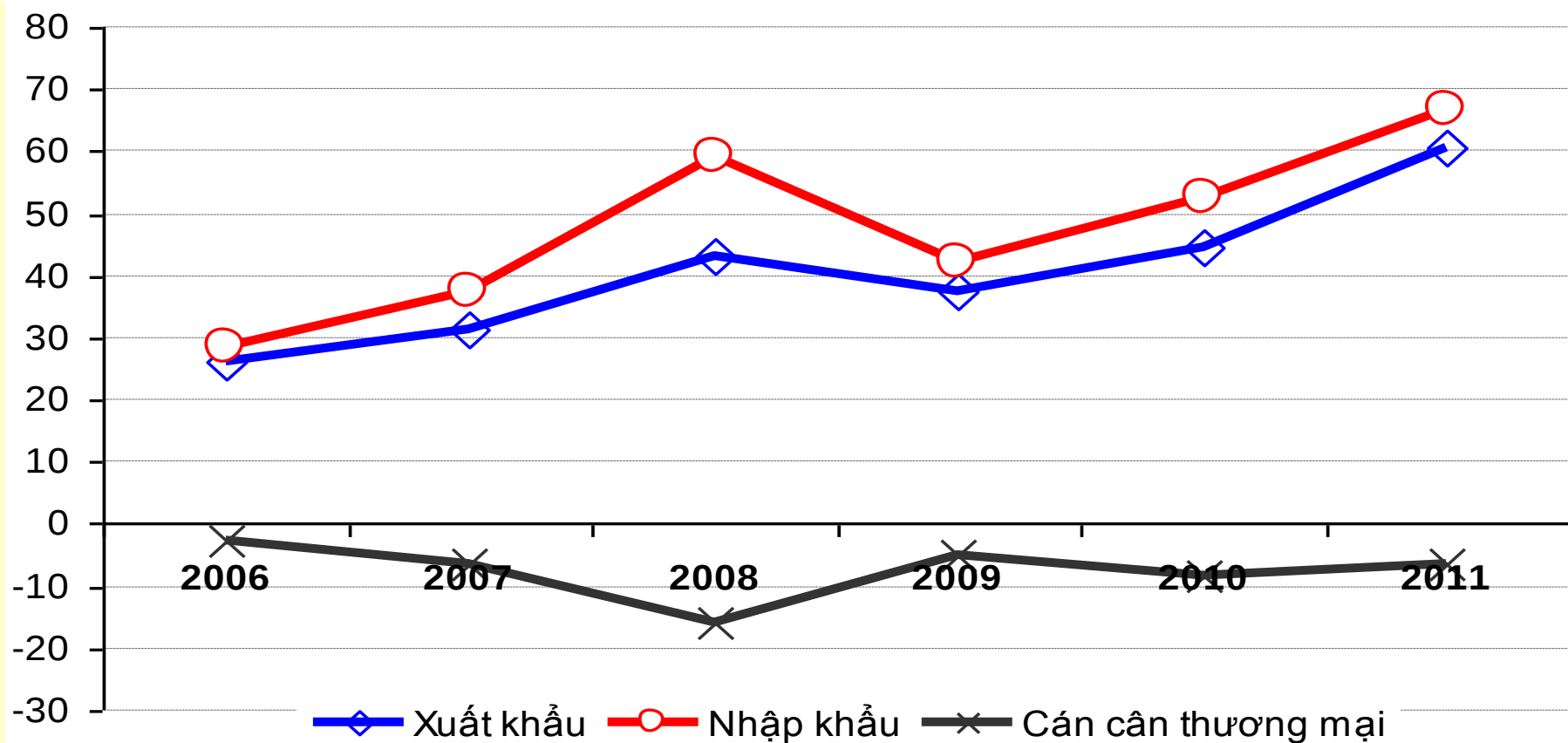
■ Thâm hụt CCTM và CCNS ở VN

Viet Nam: Fiscal and current deficit, (% of GDP)



Sources: Asian Development Outlook database.

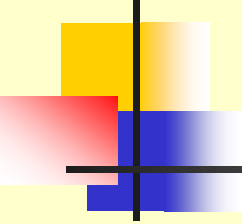
Xuất nhập khẩu và cán cân thương mại 8 tháng đầu năm 2011, tỷ USD



Nguồn: Tổng cục thống kê

XNK và cán cân thương mại ở Việt Nam 2000 - 2011





III. Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối

1. Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái danh nghĩa

Tỷ giá hối đoái thực tế

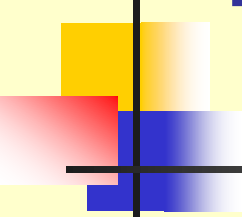
Tỷ giá hối đoái bình quân

2. Thị trường ngoại hối

Cầu về tiền của một nước trên TTNH

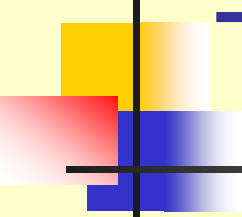
Cung về tiền của một nước trên TTNH

Cân bằng trên THNH



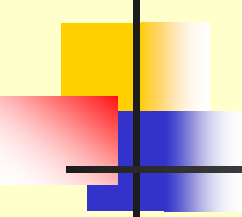
Tỷ giá hối đoái danh nghĩa

- **Tỷ giá hối đoái danh nghĩa:** Giá cả của một đơn vị tiền tệ của một nước tính bằng tiền tệ của nước khác.
- Thông thường, tỷ giá hối đoái được “ngầm hiểu” là số lượng đơn vị tiền nội tệ cần thiết để mua một đơn vị ngoại tệ (ký hiệu là E)
- Ví dụ: ở Việt Nam $E^{\text{VNĐ/USD}} = 21,500$
- Nếu tỷ giá hối đoái thay đổi sao cho 1 USD có thể đổi được nhiều tiền đồng hơn $\rightarrow$ E tăng $\rightarrow$ giảm giá của tiền đồng và tăng giá của đồng USD, và ngược lại.



Tỷ giá hối đoái danh nghĩa

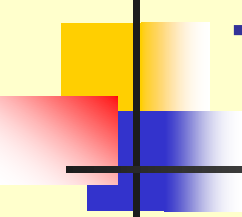
- Nếu một đồng VND mua được nhiều ngoại tệ hơn, VND được gọi là **lên giá**.
- Nếu một VND mua được ít ngoại tệ hơn, VND được gọi là **giảm giá**.
- **Phá giá**: Chính phủ chủ động giảm giá đáng kể đồng nội tệ.



Tỷ giá hối đoái thực tế

- **Tỷ giá hối đoái thực tế** (khả năng cạnh tranh): là tỷ giá hối đoái danh nghĩa được điều chỉnh theo lạm phát tương đối giữa trong nước và ở nước ngoài.
 - tỷ lệ trao đổi tính bằng hàng hoá giữa hai nước
 - VD: 1 áo sơ mi Mỹ = 3 áo sơ mi Việt Nam

$$\text{TGHĐ thực tế} = \text{TGHĐ danh nghĩa (E)} \times \frac{P \text{ nước ngoài}}{P \text{ trong nước}}$$



Tỷ giá hối đoái thực tế

- Khi giá sản phẩm trong nước và nước ngoài không đổi, tỷ giá danh nghĩa tăng (sự giảm giá của đồng tiền trong nước) sẽ khiến giá của sản phẩm nước ngoài trở nên đắt tương đối so với giá của sản phẩm trong nước, do đó khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong nước cao hơn, xuất khẩu sẽ tăng, nhập khẩu giảm đi và ngược lại.

Tỷ giá hối đoái bình quân

(EER: Effective Exchange Rate)

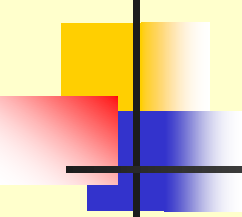
n ra

n (Forward)

nh:

$$EER = \sum ER_i \times W_i$$

+ EER : tỉ giá bình quân, ER_i là tỉ giá hối đoái song phương với nước i , và W_i là tỉ trọng thương mại của nước i trong tổng giá trị thương mại của nước đang xét.



Tỷ giá cân bằng sức mua

(PPP: Purchasing Power Parity)

PPP là tỷ giá danh nghĩa được điều chỉnh sao cho tỷ giá hối đoái thực tế không đổi, để duy trì sức cạnh tranh không đổi và được tính theo công thức:

$$e_r = \frac{P_0}{P_i} * E \Rightarrow PPP = \overline{e_r} * \frac{P'_i}{P'_0}$$

Trong đó:

P_i : Chỉ số giá trong nước

P_0 : Chỉ số giá nước ngoài

E : tỷ giá hối đoái danh nghĩa

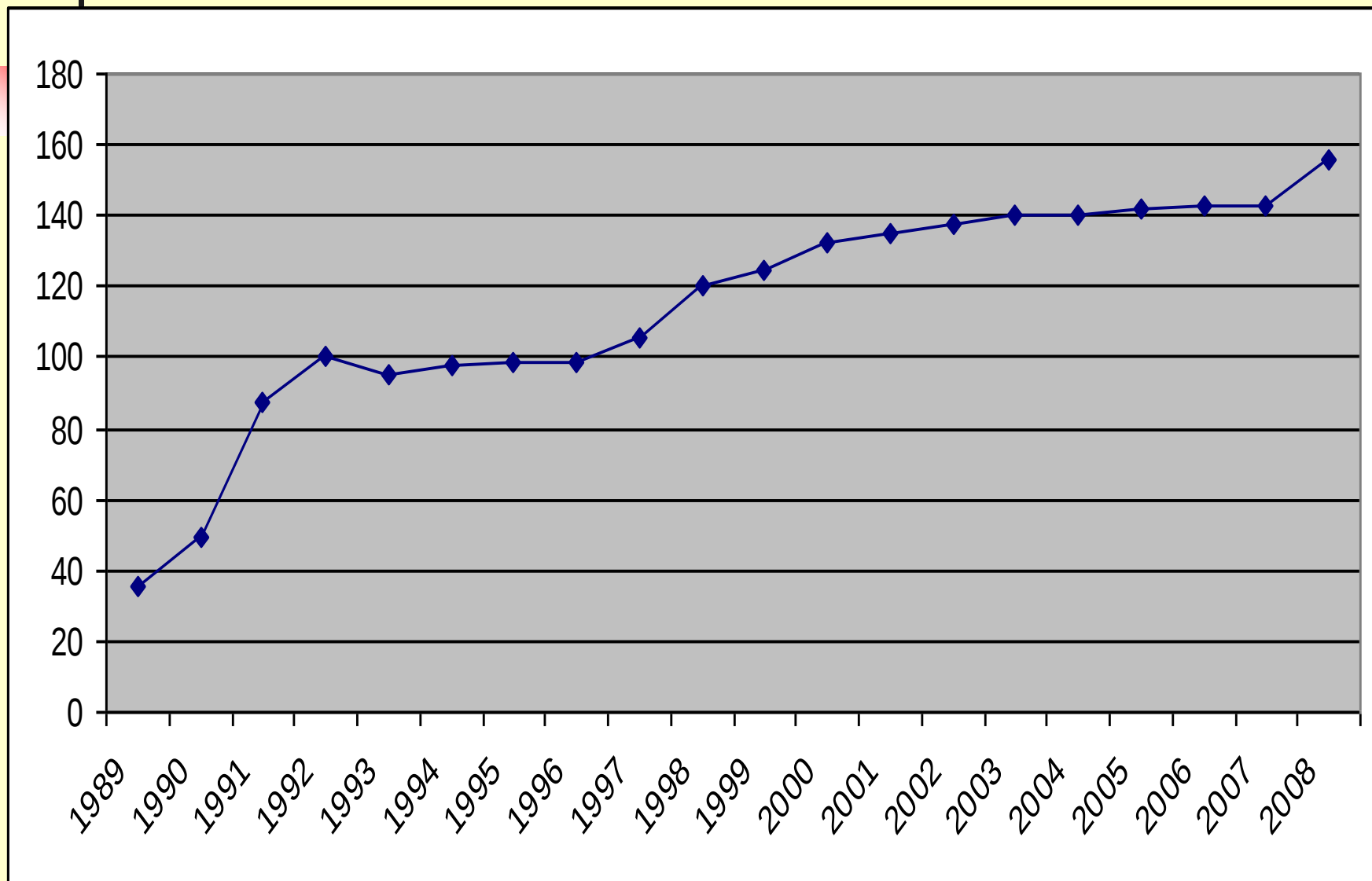
e_r : tỷ giá hối đoái thực tế

P'_i : chỉ số giá mới trong nước

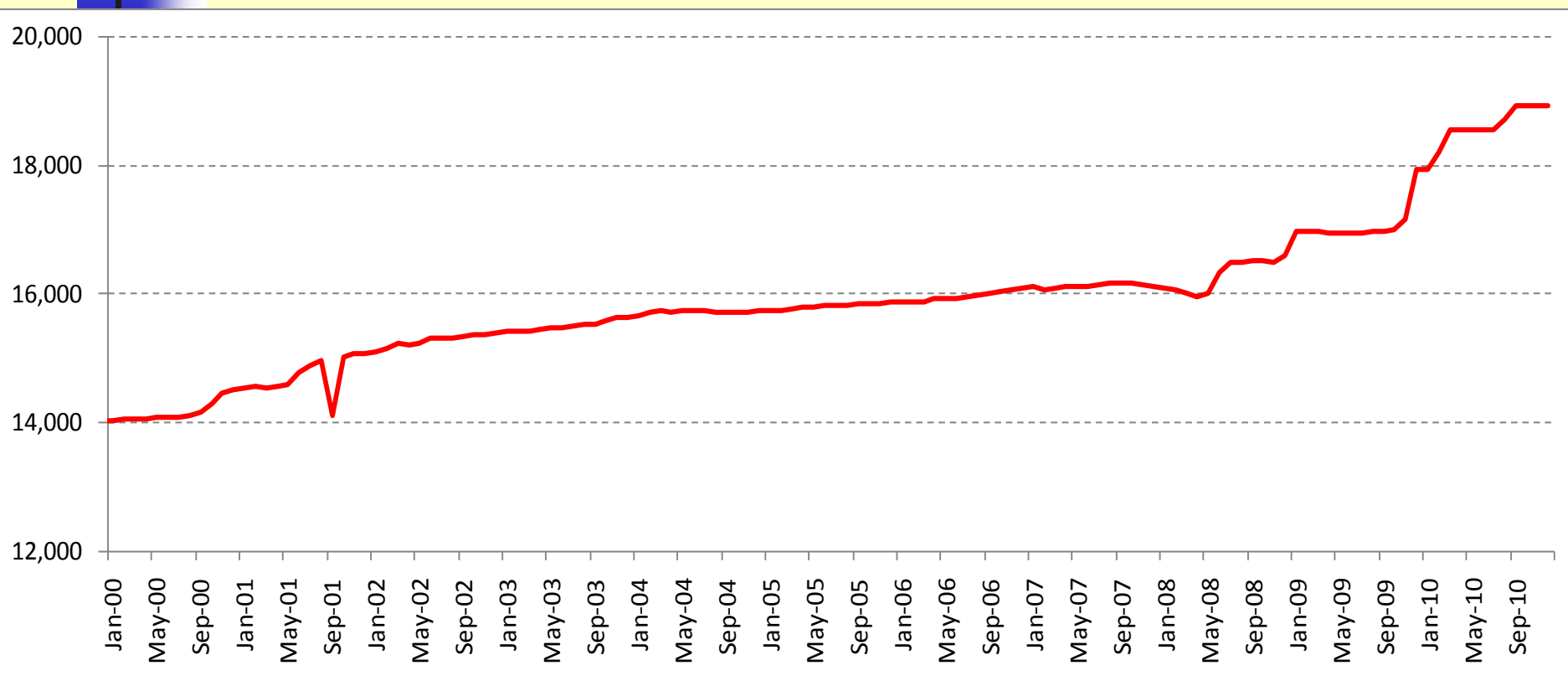
P'_0 : chỉ số giá mới nước ngoài

$\overline{e_r}$: tỷ giá hối đoái thực không đổi

Tỉ giá hối đoái, 1989-2008



Tỷ giá danh nghĩa VND/USD trung bình năm, 2000-2010



Nguồn: Cơ sở dữ liệu CEIC.

Tỉ lệ mất giá của VND, 1999-2008



1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
3,4	3,8	2,1	2,2	1,6	0,4	0,9	1	-0,03	6,31

Tỷ giá hối đoái

Nguồn: www.vietcombank.com.vn

Mã ngoại tệ	Tên ngoại tệ	Giá (VNĐ)
AUD	Australian Dollar	12130
CAD	Canadian Dollar	12980
CHF	Swiss France	13735
DKK	Danish Krone	2828
EUR	Euro	21045
GBP	British Pound	30442
HKD	Hong Kong Dollar	2017
JPY	Japanese Yen	151
SGD	Singapore Dollar	9552
THB	Thai Baht	395
USD	US Dollar	15775

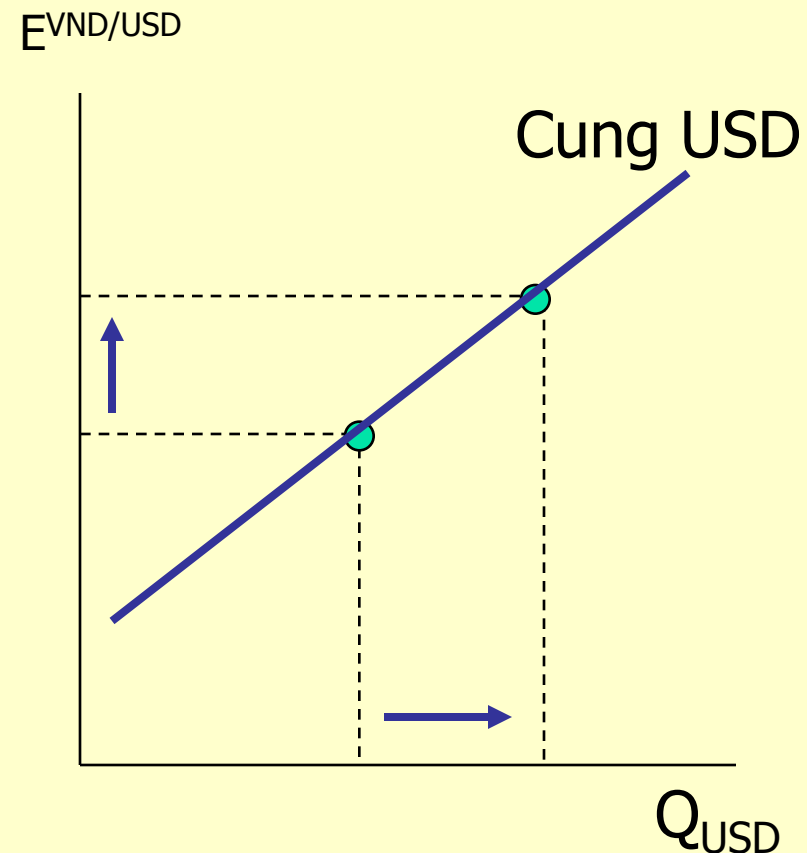
Thị trường ngoại hối

Khái niệm:

Thị trường ngoại hối là thị trường quốc tế mà trong đó đồng tiền của quốc gia này có thể đổi lấy đồng tiền của quốc gia khác. Nói cách khác, thị trường ngoại hối là thị trường mua bán ngoại tệ

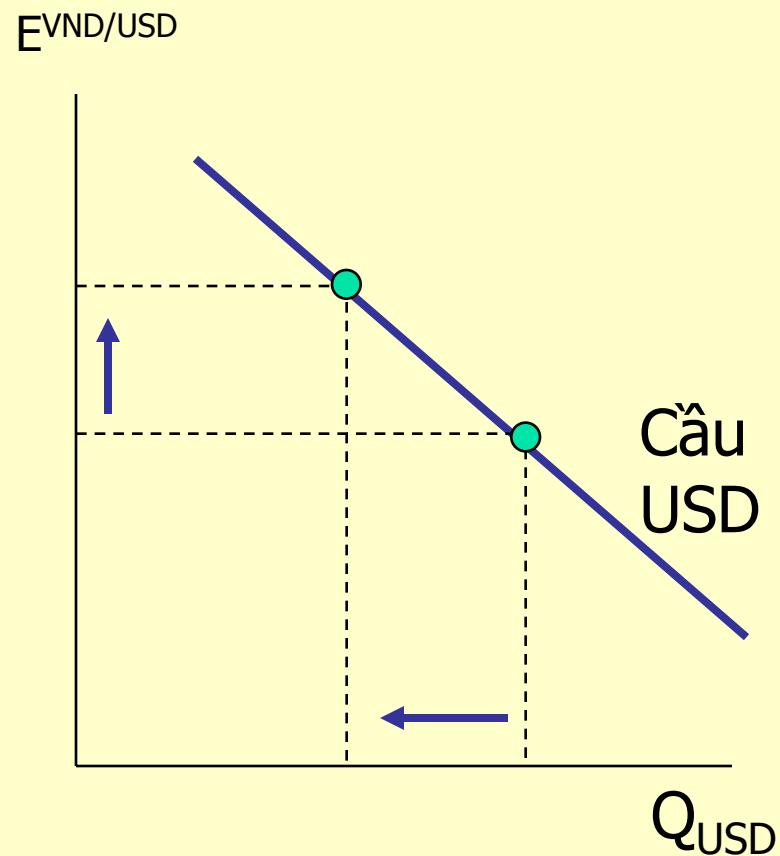
Cung ngoại tệ

- Cung ngoại tệ là hoạt động đổi từ ngoại tệ sang nội tệ
- Xuất phát từ hoạt động:
 - Xuất khẩu
 - Nhận thu nhập từ nước ngoài
 - Nhận đầu tư nước ngoài
 - Vay nước ngoài
 -

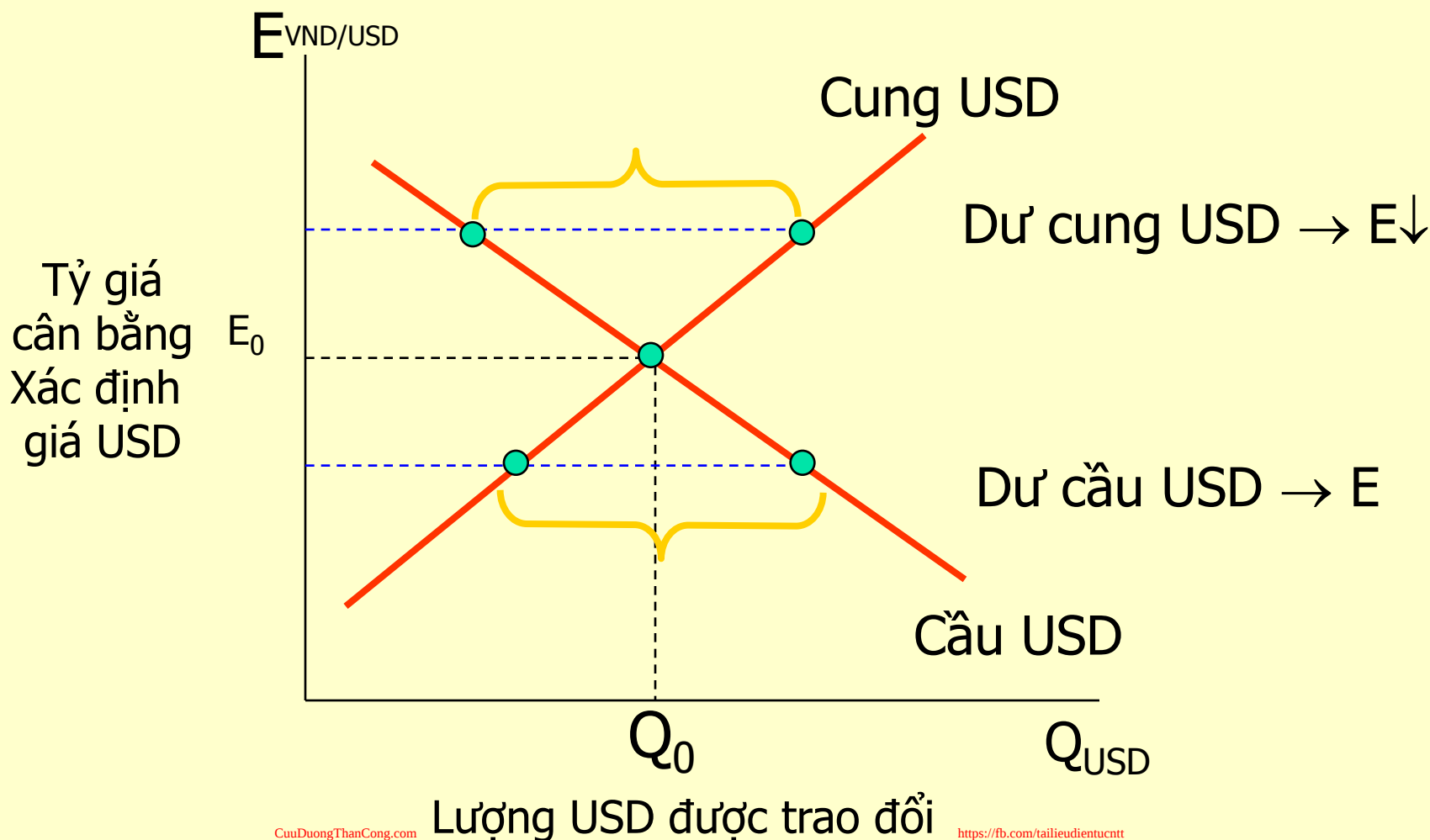


Cầu ngoại tệ

- Cầu ngoại tệ là hoạt động đổi tiền để mua hàng hóa và dịch vụ từ nước ngoài
- Xuất phát từ hoạt động:
 - Nhập khẩu
 - Trả thu nhập cho người nước ngoài
 - Đầu tư ra nước ngoài
 - Cho nước ngoài vay
 -



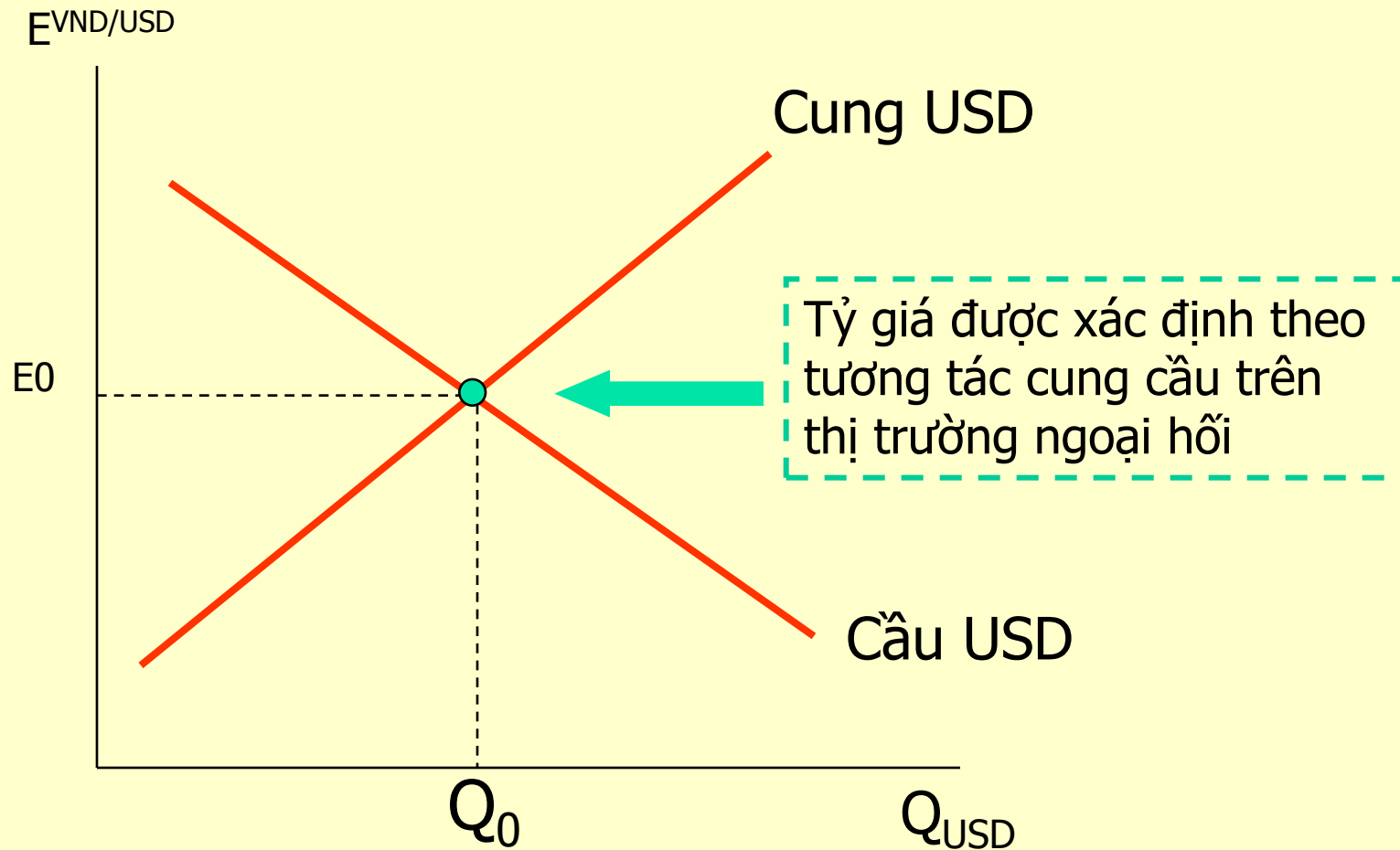
Cân bằng thị trường ngoại hối



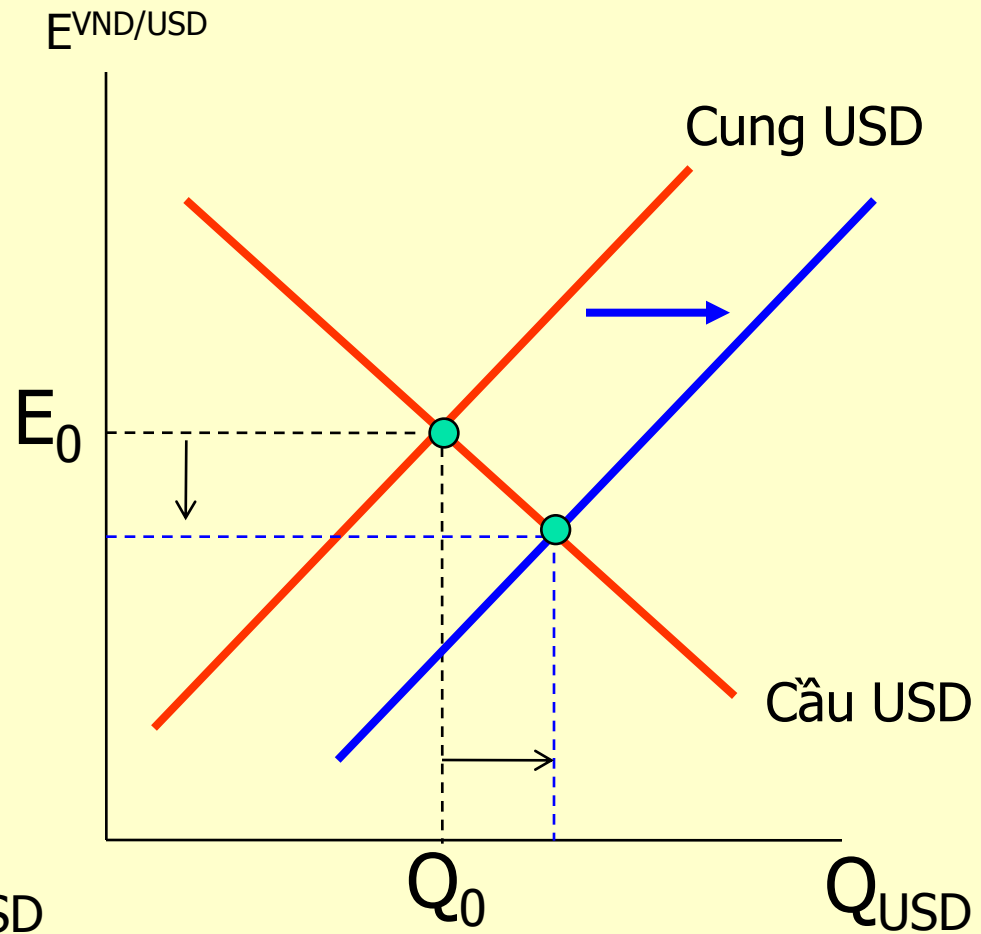
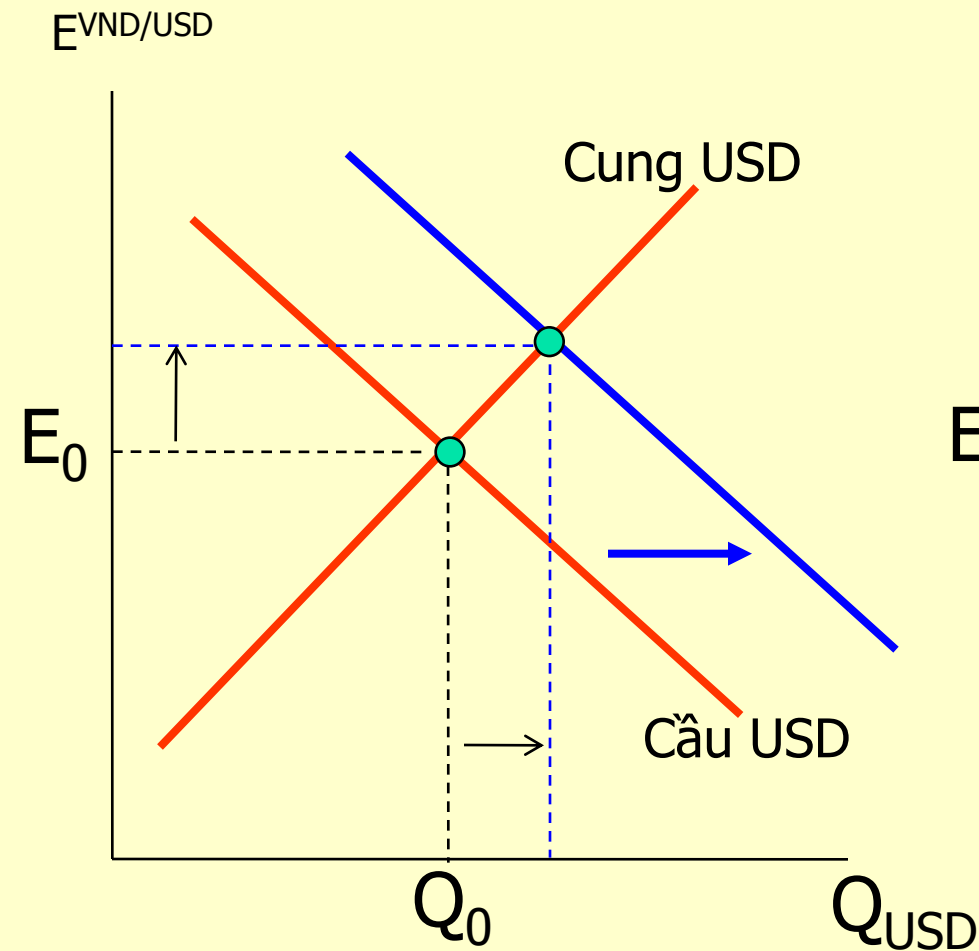
IV. Quản lý tỷ giá hối đoái

1. Chế độ tỷ giá thả nổi
2. Chế độ tỷ giá cố định
3. Chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý

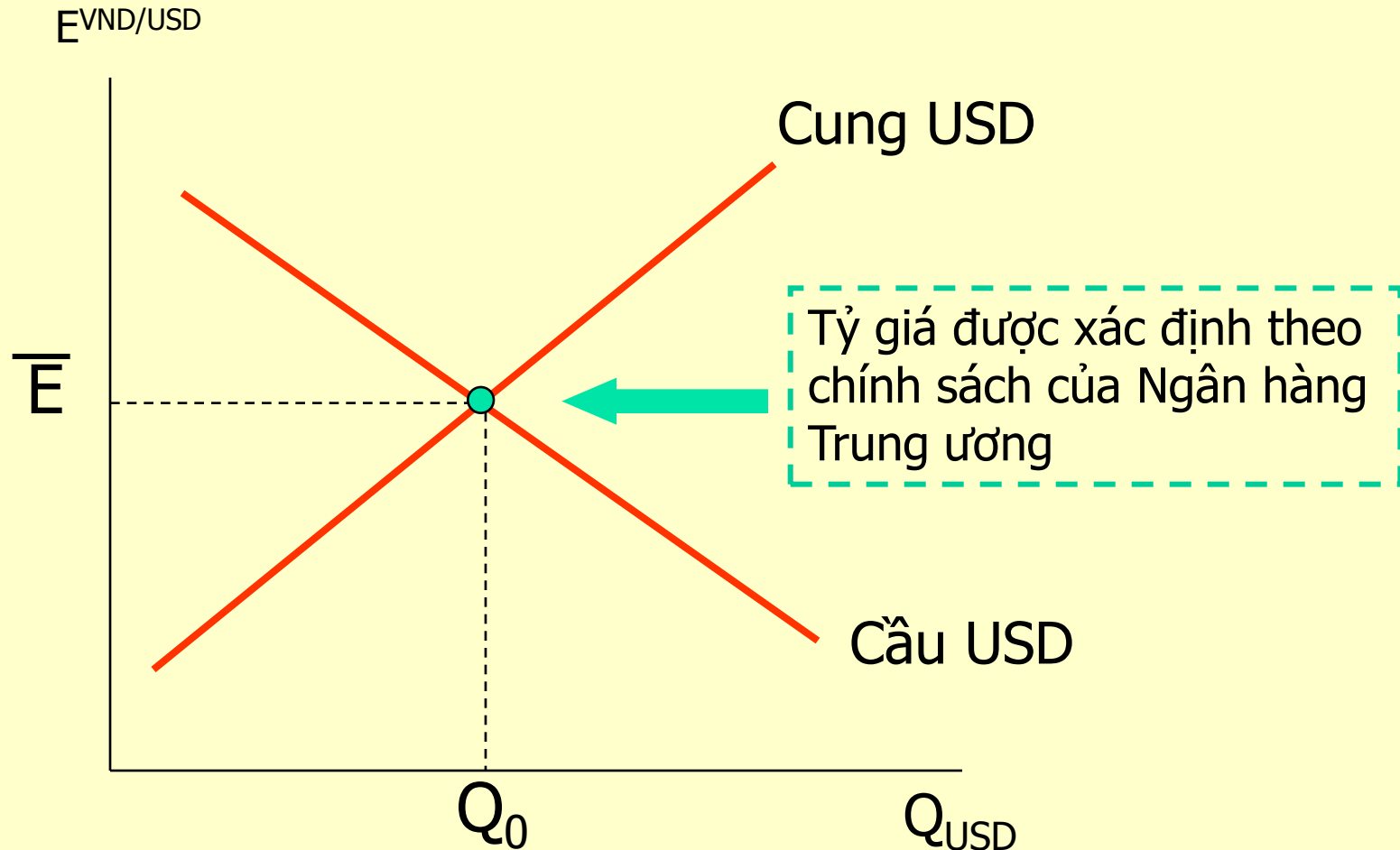
1. Chế độ tỷ giá thả nổi



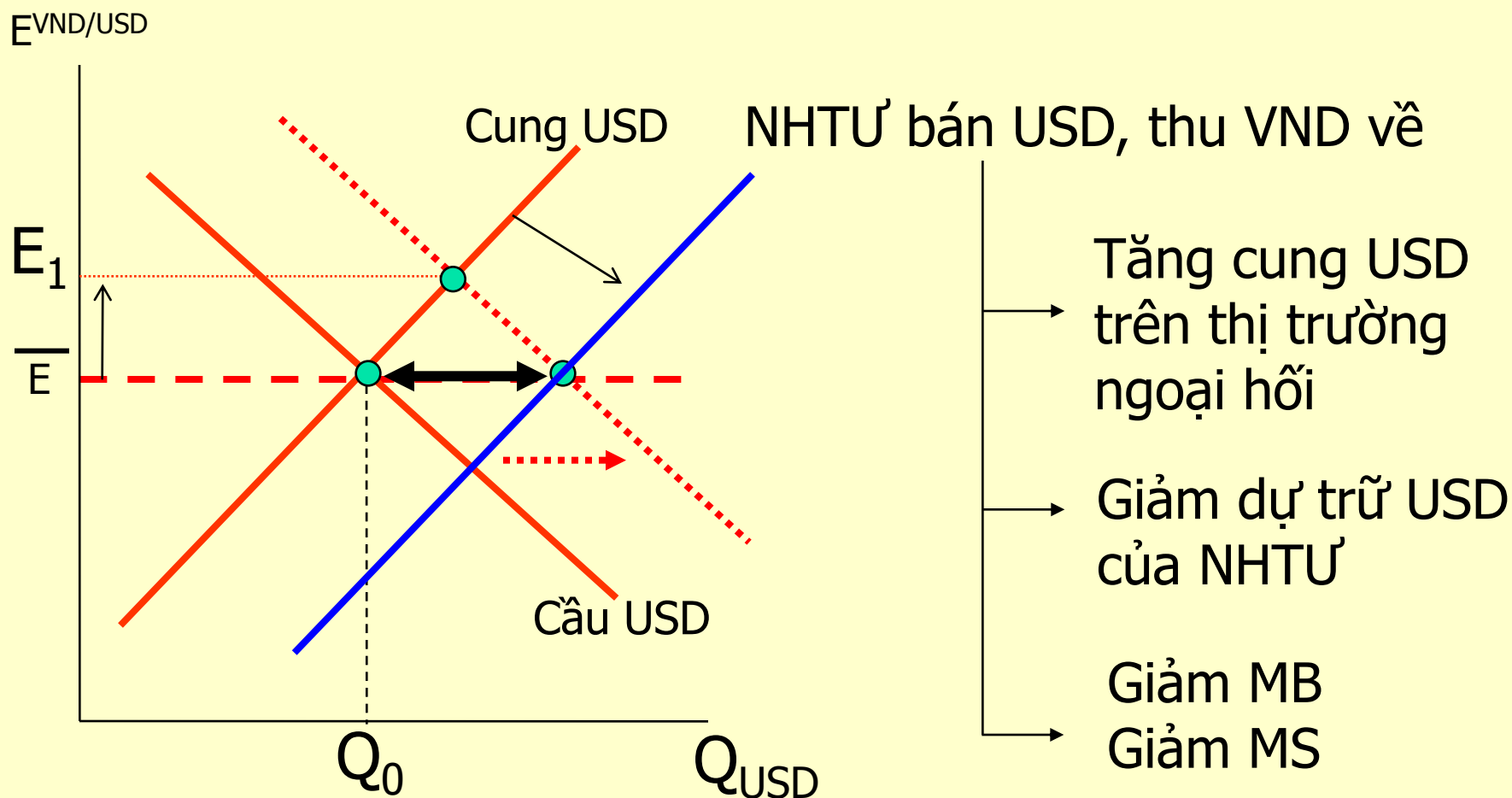
1. Chế độ tỷ giá thả nổi



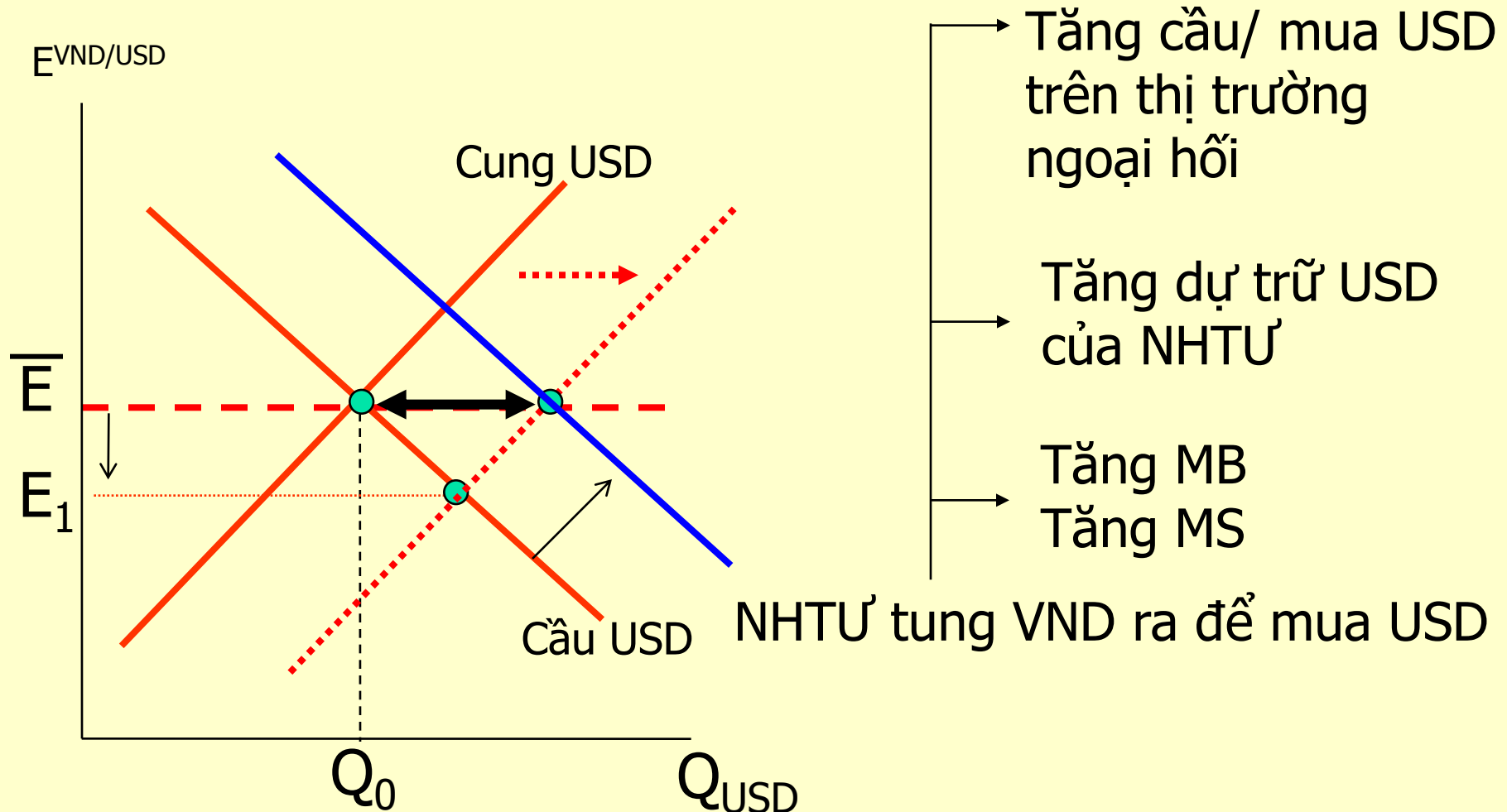
2. Chế độ tỷ giá cố định (Bretton Woods: 1944-1971)

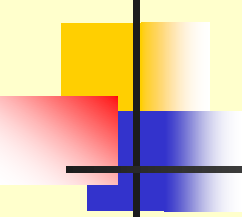


Ngân hàng Trung ương bán ngoại tệ (cầu USD tăng -> E tăng)



Ngân hàng Trung ương mua ngoại tệ (Cung USD tăng -> E giảm)



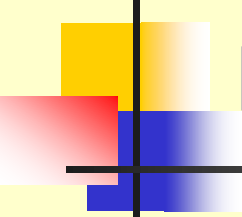


3. Chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý

Hệ thống tỷ giá thả nổi có quản lý: Không để cho tỷ giá hoàn toàn thả nổi theo các lực lượng cung cầu như trong hệ thống tỷ giá thả nổi, các NHTW đều có những can thiệp nhất định vào thị trường ngoại hối.

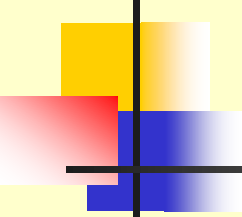
Sự can thiệp của NHTW nhằm hạn chế hoặc thu hẹp biên độ dao động của tỷ giá hối đoái.

→ Hệ thống tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý chính là sự kết hợp giữa hệ thống tỷ giá hối đoái thả nổi và sự can thiệp của NHTW



V.Tác động của CSKT trong nền kinh tế mở

1. Chính sách kinh tế đối ngoại
2. Đường BP (Balance of Payment)
3. Tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở
4. Tác động của chính sách ngoại thương



Chính sách kinh tế đối ngoại

(chính sách ngoại thương và quản lý thị trường ngoại hối)

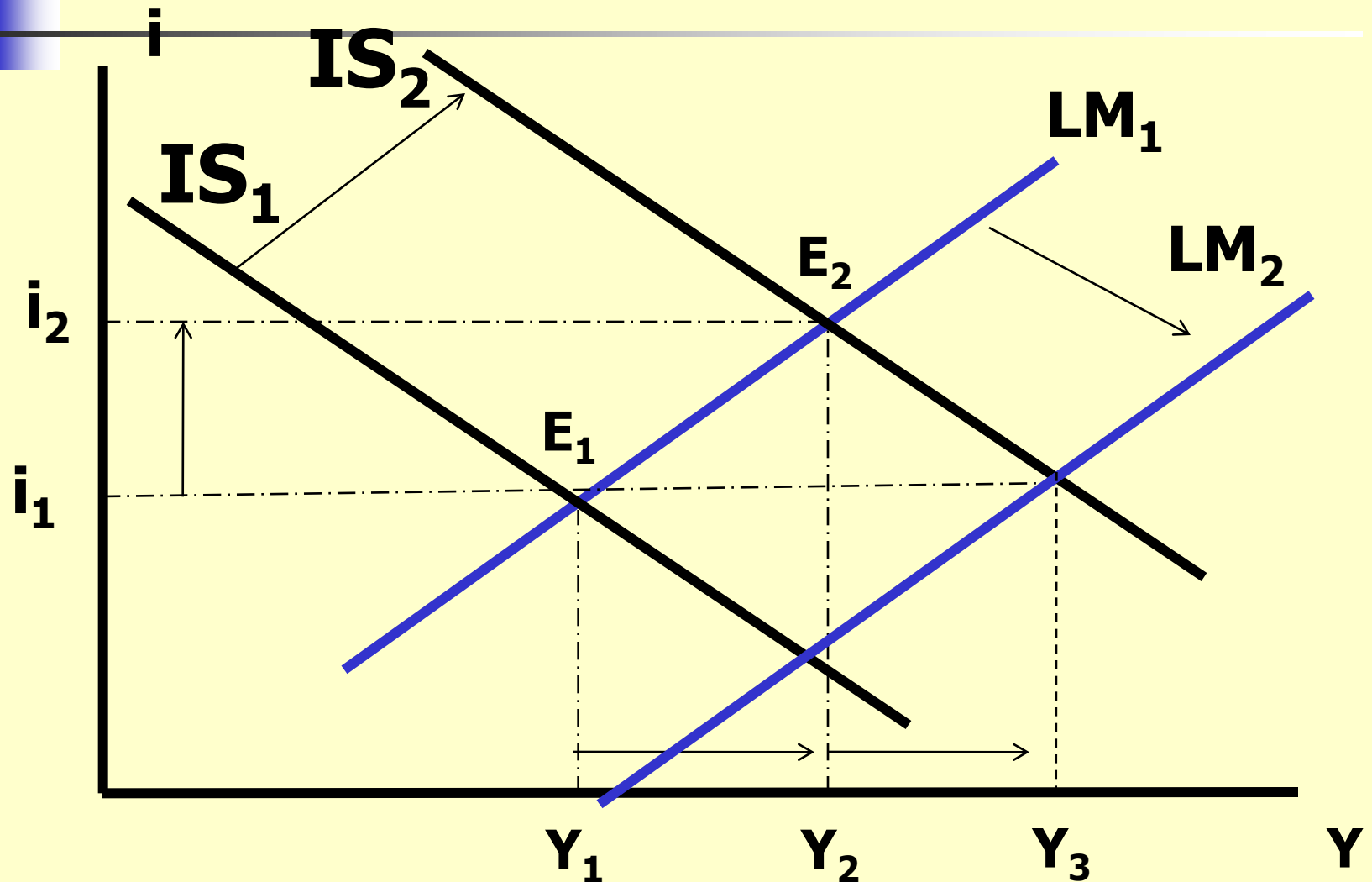
- **Chính sách ngoại thương** nhằm khuyến khích hoặc hạn chế xuất nhập khẩu thông qua các công cụ như thuế quan, quota....
- **Chính sách quản lý thị trường ngoại hối** bắt đầu từ sự lựa chọn cơ chế tỷ giá hối đoái đến việc chủ động thay đổi tỷ giá hối đoái để tác động vào hoạt động chung của nền kinh tế.

Phân tích CSTK và CSTT trong nền kinh tế mở và nhỏ

- Nền kinh tế mở và nhỏ: lãi suất của nước đó dao động xung quanh lãi suất thế giới, dòng vốn chảy vào và chảy ra sẽ đưa lãi suất của nước đó về mức lãi suất của thế giới mà không làm thay đổi lãi suất của thế giới

Tác động của CSTK trong mô hình IS-LM

TH 1: Chế độ tỷ giá hối đoái cố định



Tác động của CSTK trong mô hình IS-LM

TH 1: Chế độ tỷ giá hối đoái cố định

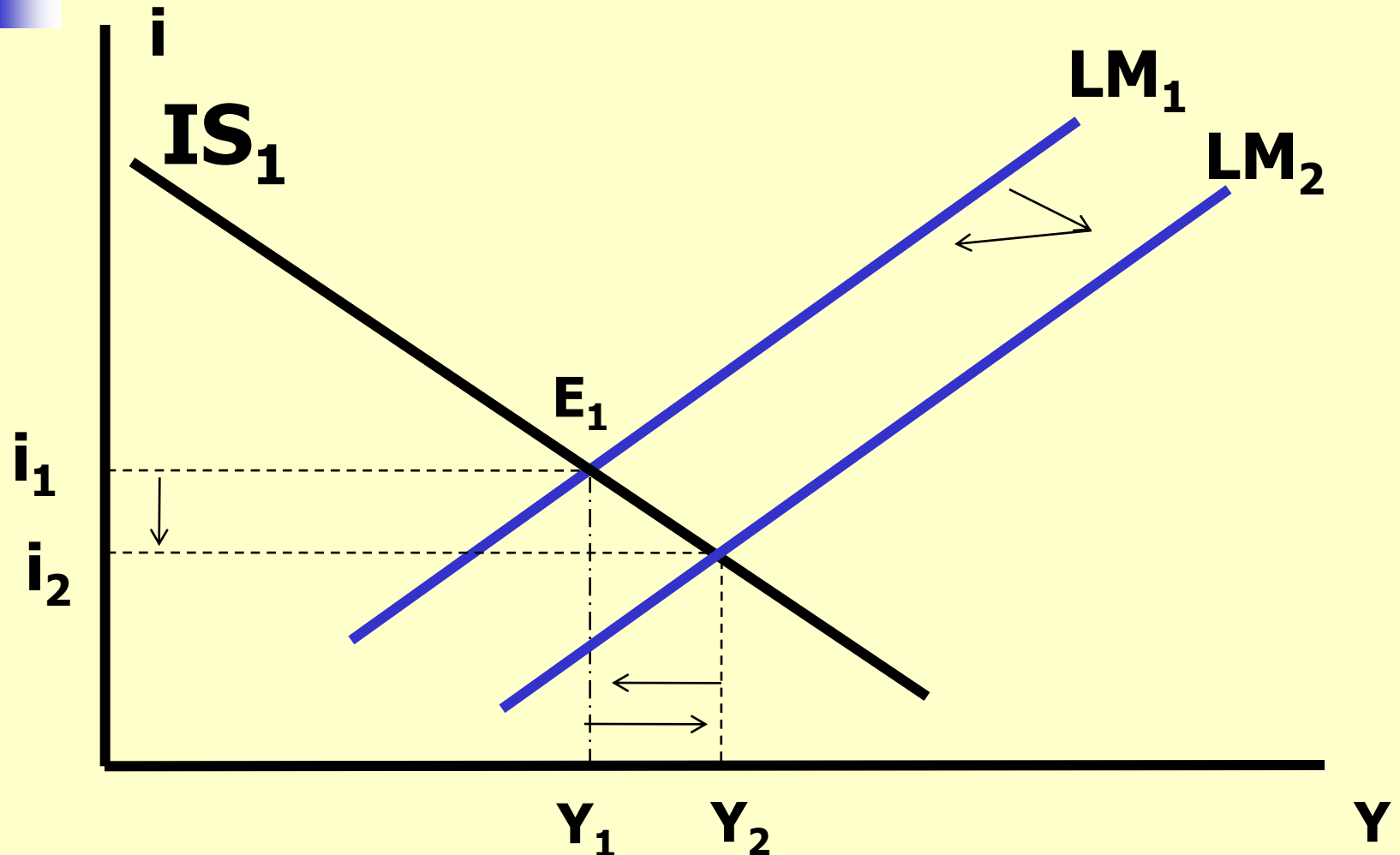
G tăng, T giảm $\rightarrow$ IS dịch phải $\rightarrow$ Y tăng, i tăng $\rightarrow$ Vốn chảy vào

$\rightarrow$ E giảm, để ổn định tỷ giá hối đoái thì NHTW sẽ mua ngoại tệ

$\rightarrow$ MS tăng $\rightarrow$ LM dịch phải $\rightarrow$ Y tăng, i giảm về mức i^* (lãi suất thế giới). Như vậy, CSTK với nền kinh tế mở nhỏ và chế độ tỷ giá hối đoái cố định có hiệu quả (tác động mạnh tới sản lượng)

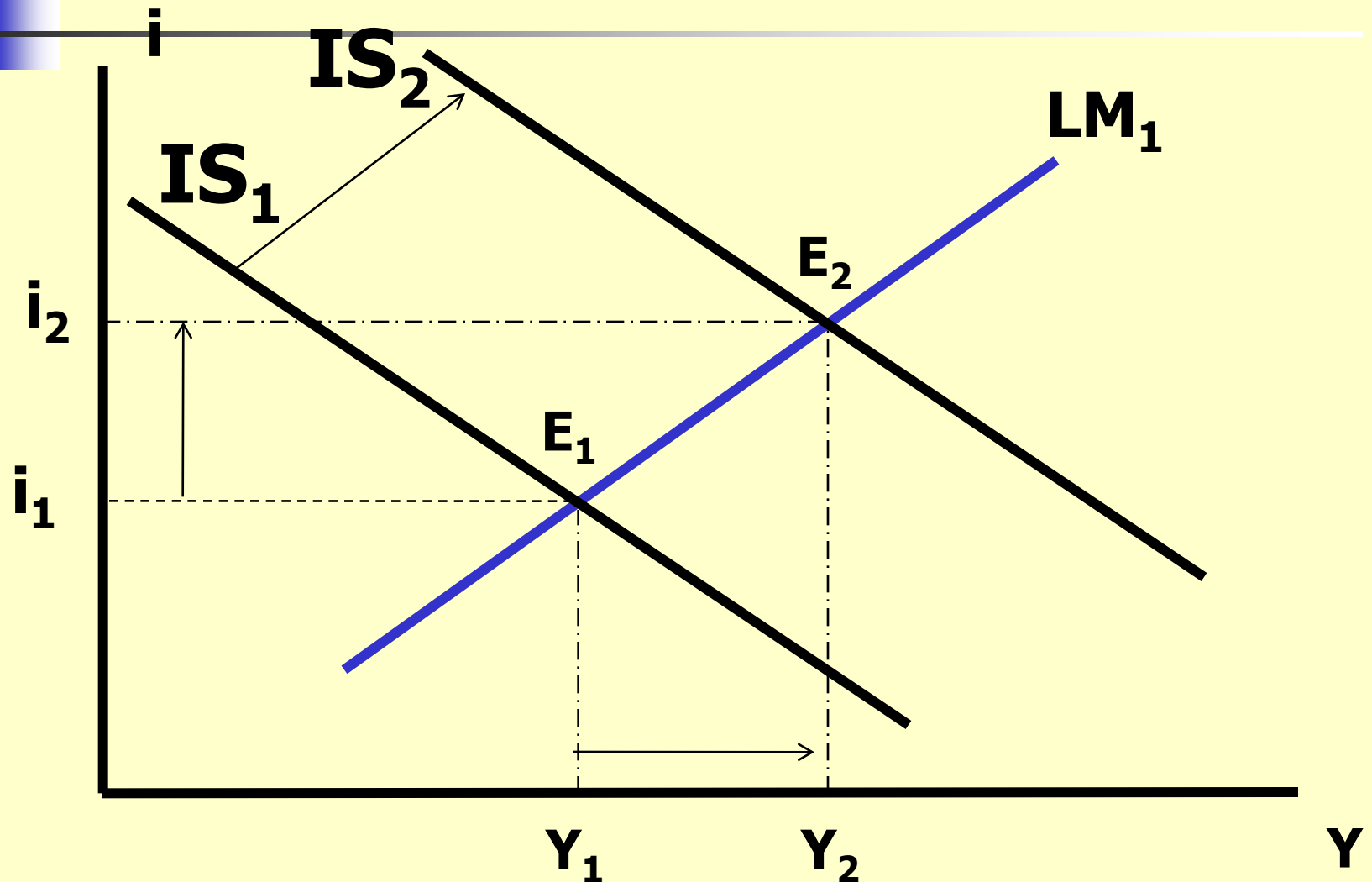
Tác động của CSTT trong mô hình IS-LM

TH 1: Chế độ tỷ giá hối đoái cố định



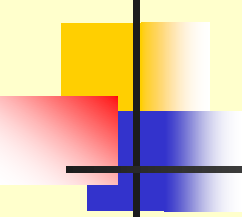
Tác động của CSTK trong mô hình IS-LM

TH 2: Chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi



Tác động của CSTK trong mô hình IS-LM

TH 2: Chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi

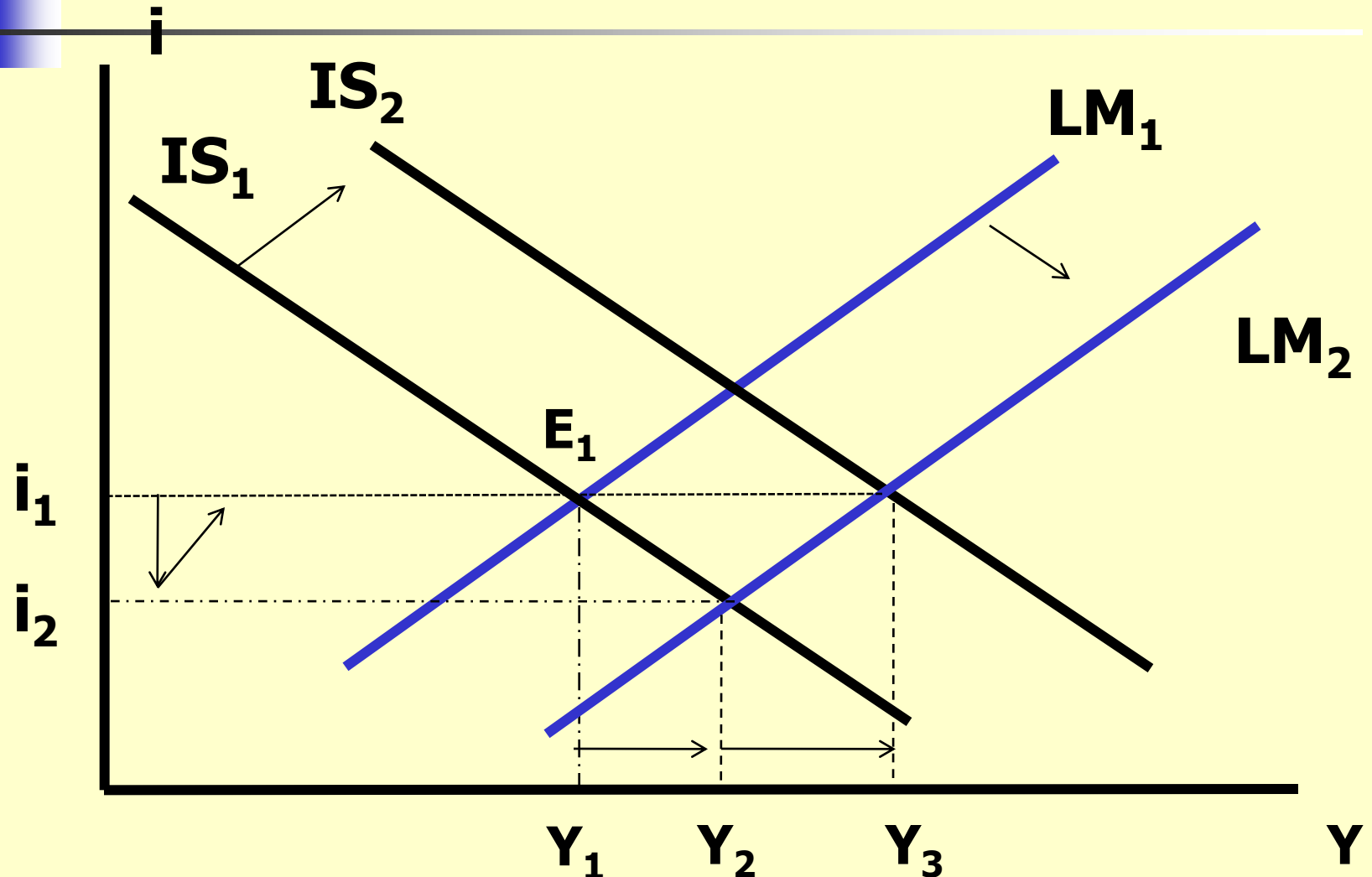


G tăng, T giảm $\rightarrow$ IS dịch phải $\rightarrow$ Y tăng, i tăng $\rightarrow$ Vốn chảy vào

$\rightarrow$ E giảm (tiền trong nước lên giá) $\rightarrow$ X giảm, IM tăng $\rightarrow$ IS dịch trái $\rightarrow$ Y giảm, i giảm về mức i^* (lãi suất thế giới). Như vậy, CSTK với nền kinh tế mở nhỏ và chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi không có hiệu quả (làm thâm hụt cán cân thương mại)

Tác động của CSTT trong mô hình IS-LM

TH 2: Chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi



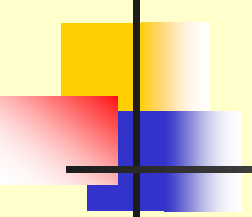
Tác động của CSTT trong mô hình IS-LM

TH 2: Chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi

MS tăng $\rightarrow$ LM dịch phải $\rightarrow$ Y tăng, i giảm $\rightarrow$ Vốn chảy ra

$\rightarrow$ E tăng (tiền trong nước mất giá) $\rightarrow$ X tăng, IM giảm $\rightarrow$ IS dịch phải $\rightarrow$ Y tăng, i tăng về mức i^* (lãi suất thế giới).

$\rightarrow$ Như vậy, CSTT với nền kinh tế mở nhỏ và chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi **có hiệu quả** (tác động rất lớn tới sản lượng Y, CCTM (+))



Đường BP (Balance of Payments)

Khái niệm

Đường BP là tập hợp những phối hợp khác nhau giữa lãi suất (i) với sản lượng (Y) mà tại đó cán cân thanh toán cân bằng

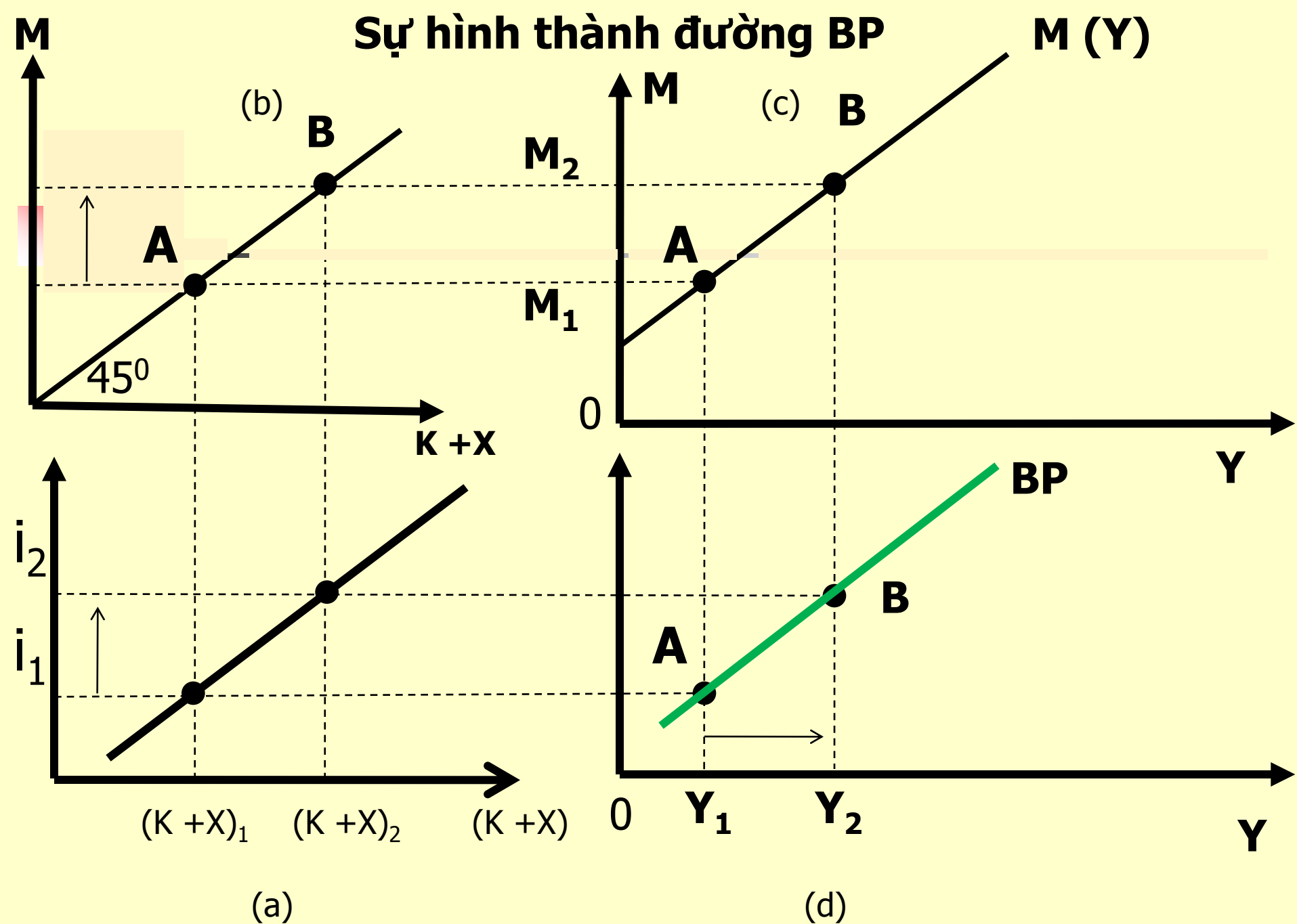
Cán cân thanh toán cân bằng khi $K + X = IM$

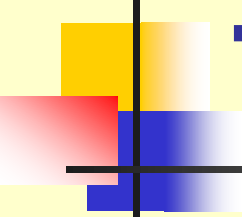
$K = \bar{K} + K_m * r$ (tài khoản vốn)

$IM = \bar{IM} + MPM * Y$

$X = \bar{X}$

Sự hình thành đường BP

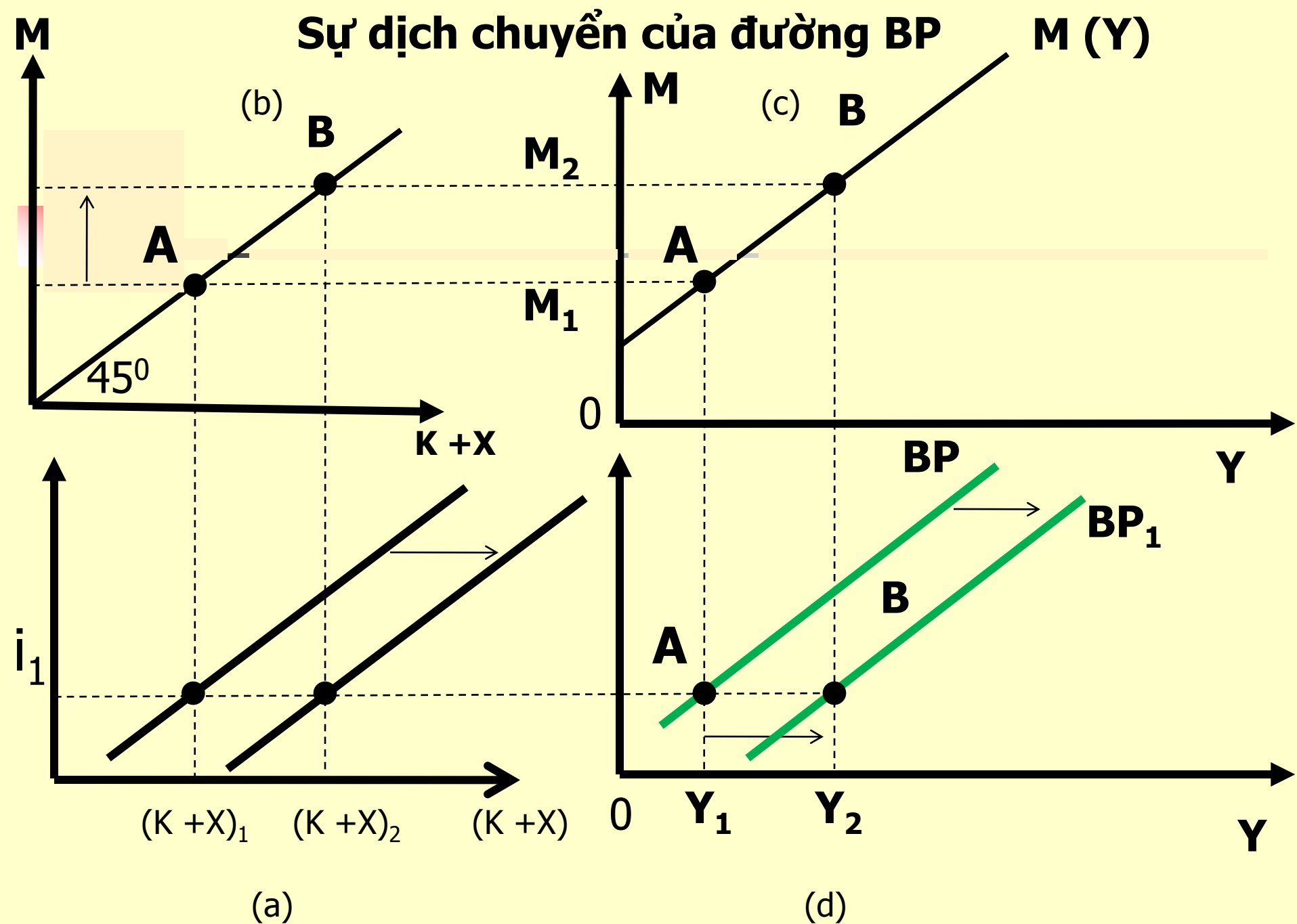


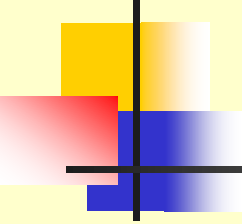


Tính chất của đường BP

- Mọi điểm nằm trên đường BP ứng với từng cặp (i, Y) thì cán cân thanh toán cân bằng
- Đường BP dốc lên về bên phải, vì:
 - Khi i tăng làm Y tăng để cán cân thanh toán cân bằng
 - Khi i giảm làm Y giảm để cán cân thanh toán cân bằng

Sự dịch chuyển của đường BP





Phương trình đường BP

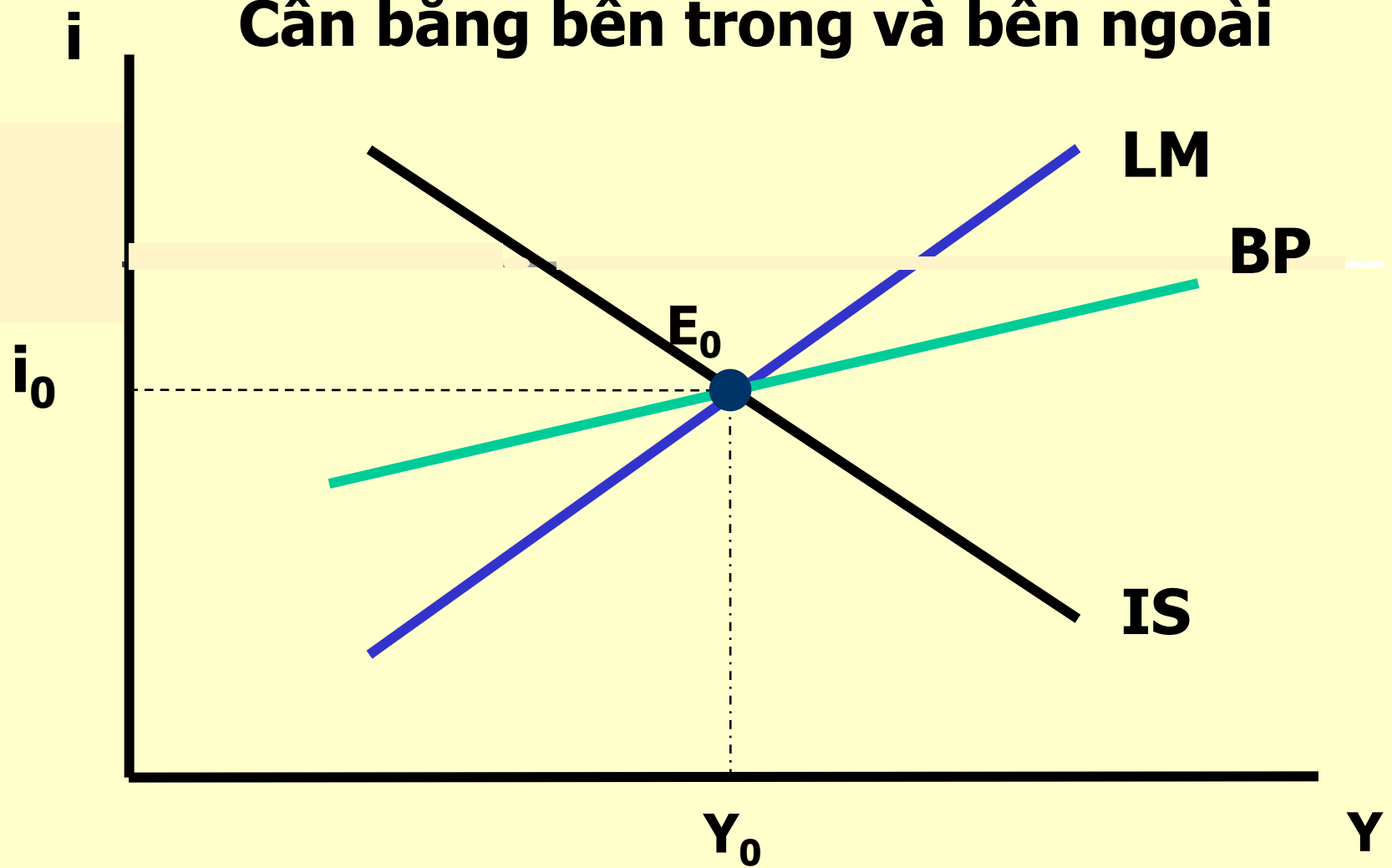
$$K = \overline{K} + Km * i$$

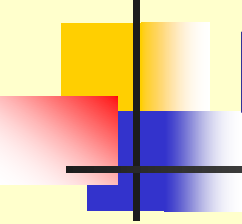
$$X = \overline{X}$$

$$IM = \overline{IM} + MPM . Y$$

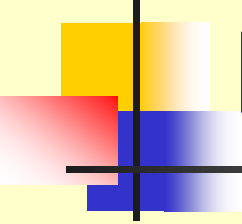
$$Y = \frac{\overline{X} - \overline{IM} + \overline{K}}{MPM} + \frac{Km}{MPM} * i$$

Cân bằng bên trong và bên ngoài

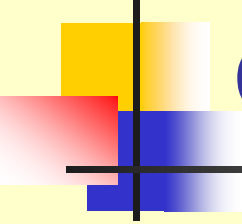




Tác động của CSTK trong nền kinh tế mở_ Cơ chế tỷ giá thả nổi



Tác động của CSTK trong nền kinh tế mở_ Cơ chế tỷ giá cố định



VI. Vài nét về chính sách tỷ giá hối đoái ở Việt Nam

- Tham khảo bài của nhóm tác giả Võ Chí Thành (CIEM)